

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân lô đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và tái định cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1039/TTr-SXD ngày 17/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân lô đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, cụ thể như sau:

1. Phân chia giai đoạn quy hoạch: Giai đoạn đầu quy mô diện tích là 144.407 m². Giai đoạn sau quy mô diện tích là 205.641 m².

(có bản vẽ ranh từng giai đoạn kèm theo).

2. Điều chỉnh quy hoạch phân lô: Điều chỉnh giảm tổng số lô từ 1.724 lô còn 1.215 lô (do tăng kích thước, diện tích các lô so với quy hoạch đã duyệt).

(có bản vẽ điều chỉnh phân lô kèm theo)

3. Bảng tổng hợp diện tích, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật các cụm lô sau khi điều chỉnh:

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	THÔNG SỐ KINH TẾ KỸ THUẬT					GHI CHÚ
			DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ LÔ (lô)	TÀNG CAO (tầng)	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SDD	
	Đất xây dựng khu ở		215.581,9	1.215				



A1	6.462,2	26	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A2	6.108,3	48	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A3	5.632	22	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
A4	5.440	26	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A5	8.932	44	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A6	7.902	42	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A7	8.782	44	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A8	8.782	70	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
A9	6.823,9	27	≥ 1	≤ 75	0.75	Nhà biệt thự
A10	7.522,6	36	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A11	7.958,4	38	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A12	6.108,3	29	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A13	11.032	54	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A14	8.488,6	46	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A15	9.432	48	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A16	9.433,6	76	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
A17	7.588,6	29	≥ 1	≤ 75	0.75	Nhà biệt thự
A18	7.727,9	40	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A19	7.805,2	37	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A20	6.594,9	50	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
A21	8.039,9	29	≥ 1	≤ 75	0.75	Nhà biệt thự
A22	4.278,2	20	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A23	3.680,6	18	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A24	9.206,9	47	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế
A25	10.732,3	80	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
A26	1.330,9	6	≥ 1	≤ 85	0.85	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
B1	5.177,2	39	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
B2	5.008,3	38	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
B3	4.289,9	33	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế

	B4	6.732	54	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố
	B5	2.549,2	19	≥ 1	≤ 90	0.9	Nhà liên kế+ Nhà liên kế phố

Điều 2. Các nội dung không thuộc nội dung điều chỉnh nêu trên vẫn thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài, đơn vị tổ chức lập quy hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu VT.(Trung) ₄₀



Trần Ngọc Trai